

Thuận An, ngày 12 tháng 06 năm 2020

Số : 31 /NQ-ĐHĐCĐ

**NGHỊ QUYẾT PHIÊN HỌP THƯỜNG NIÊN  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020 NHIỆM KỲ 2018-2022  
TỔNG CTY SX – XNK BÌNH DƯƠNG – CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập, nhất trí thông qua ngày 26/10/2018;

- Căn cứ Biên bản số 21/BB-ĐHĐCĐ, ngày 12/06/2020 của phiên họp thường niên Đại hội đồng cổ đông niên năm 2020, nhiệm kỳ 2018-2022 của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – Công ty cổ phần.

**QUYẾT NGHỊ :**

**Điều 1 . Thông qua các nội dung :**

**1. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019 và kế hoạch năm 2020: (theo báo cáo số 10/BC-HĐQT, ngày 21-05-2020).**

1.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2019 so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao:

1.1.1. Các chỉ tiêu chính trong Báo cáo Tài chính hợp nhất:

ĐVT: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2019 (đã kiểm toán)	Năm 2019 (kế hoạch)	%TH/KH
1	Doanh thu thuần	1.674.015.385.634	1.322.400.000.000	127%
2	Lợi nhuận gộp	399.384.411.874	333.500.000.000	120%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	409.036.578.583	231.000.000.000	177%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	301.062.780.380	230.400.000.000	131%
	Lợi nhuận thuộc về cổ đông thiểu số	2.834.185.813	3.800.000.000	75%
	Lợi nhuận thuộc về công ty mẹ	298.228.594.567	226.600.000.000	132%
5	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>966</b>	<b>755</b>	<b>128%</b>

1.1.2. Các chỉ tiêu chính trong Báo cáo Tài chính riêng:

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2019 (đã kiểm toán)	Năm 2019 (kế hoạch)	%TH/KH
1	Doanh thu thuần	17.911.080.352	31.286.000.000	57%
2	Lợi nhuận gộp	(20.925.378.905)	4.380.000.000	-478%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	67.769.993.225	184.741.000.000	37%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66.195.988.148	184.616.000.000	36%
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	221	615	36%

1.2. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2020:

1.2.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh trên báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020:

ĐVT: VND

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch BCTC hợp nhất 2020	Kế hoạch BCTC riêng 2020
1	Tổng doanh thu thuần	1.601.767.000.000	304.156.000.000
1.1	Doanh thu hoạt động SX-KD	1.389.356.000.000	13.579.000.000
1.2	Doanh thu hoạt động tài chính	205.050.000.000	290.577.000.000
1.3	Thu nhập khác	7.361.000.000	0
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	174.392.000.000	129.218.000.000

1.2.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào báo cáo tài chính riêng:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2020
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5% LNST năm 2020
2	Quỹ đầu tư phát triển	5% LNST năm 2020
3	Thù lao HĐQT, BKS, các tiểu ban thuộc HĐQT, người quản trị công ty	2.073.600.000 đồng
4	Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	324.000.000 đồng

**2. Thông qua báo cáo của ban Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020: (theo báo cáo số 75/BC-TGD, ngày 21-05-2020).**

2.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2019 qua một số chỉ tiêu chính (như Báo cáo Tài chính riêng và hợp nhất năm 2019 của HĐQT).

2.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2020:

2.2.1. Kế hoạch kinh doanh trên báo cáo tài chính riêng năm 2020.



ĐVT: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2020 (kế hoạch)	Năm 2019 (thực hiện)	KH2020 /TH2019
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.579.000.000	17.911.080.352	-24%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	70.000.000	(20.925.378.905)	-100%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	129.218.000.000	67.769.993.225	91%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	129.218.000.000	66.195.988.148	95%
5	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>431</b>	<b>221</b>	

## 2.2.2. Kế hoạch kinh doanh trên Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2020:

ĐVT: VND

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2020 (kế hoạch)	Năm 2019 (thực hiện)	KH2020 /TH2019
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.389.356.000.000	1.674.015.385.634	-20%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	266.767.000.000	399.384.411.874	-50%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	207.405.000.000	409.122.298.464	-97%
4	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	214.766.000.000	415.804.532.745	-94%
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	174.392.000.000	301.062.780.380	-73%
	<i>-Lợi nhuận thuộc về cổ đông thiểu số</i>	<i>1.099.000.000</i>	<i>2.834.185.813</i>	<i>-158%</i>
	<i>-Lợi nhuận thuộc về công ty mẹ</i>	<i>173.293.000.000</i>	<i>298.228.594.567</i>	<i>-72%</i>
6	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>578</b>	<b>966</b>	

3. **Thông qua báo cáo hoạt động của ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020.**  
(theo báo cáo số 10/2020/BC-BKS, ngày 21-05-2020):

4. **Thông qua kết quả bầu bổ sung Thành viên HĐQT và Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2022.**

Kết quả biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT & BKS (Theo phiếu biểu quyết tại phiên họp thường niên ĐHCĐ năm 2020 ngày 12-06-2020):

- Ông Nguyễn Văn Minh – nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị : Đồng ý (100%);
- Ông Trần Nguyên Vũ – Thành viên Hội đồng Quản trị : Đồng ý (100%);
- Ông Nguyễn Thanh Xuân - Thành viên Ban Kiểm soát : Đồng ý (100%).

Kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT & BKS (Theo Biên bản kiểm phiếu bầu tại phiên họp thường niên ĐHCĐ năm 2020 ngày 12-06-2020):

- Ông Hà Văn Thuận trúng cử Thành viên HĐQT với số phiếu tín nhiệm đạt 116,55%;
- Ông Trần Hồng Khôi trúng cử Thành viên HĐQT với số phiếu tín nhiệm đạt 83,45%;
- Ông Lê Văn Minh trúng cử Thành viên BKS với số phiếu tính nhiệm đạt 85,55%.

**5. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019:** (theo Tờ trình số 12/TTr-HĐQT, ngày 21-05-2020).

**6. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:** (theo Tờ trình số 13/TTr-HĐQT, ngày 21-05-2020).

6.1. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019:

DVT:VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2019
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.309.799.407 đồng (5% LNST năm 2019)
2	Quỹ đầu tư phát triển	3.309.799.407 đồng (5% LNST năm 2019)
3	Thù lao HĐQT, BKS, các tiểu ban thuộc HĐQT, người quản trị công ty	1.555.200.000 đồng
4	Chia cổ tức	30.000.000.000 đồng (1% trên mệnh giá CP, tương đương 100 đồng/CP).

6.2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:

DVT:VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch phân phối lợi nhuận 2020
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5% LNST năm 2020
2	Quỹ đầu tư phát triển	5% LNST năm 2020
3	Thù lao HĐQT, BKS, các tiểu ban thuộc HĐQT, người quản trị công ty	2.073.600.000 đồng
4	Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	324.000.000 đồng
5	Chia cổ tức	90.000.000.000 đồng (3% trên mệnh giá CP, tương đương 300 đồng/CP)

**7. Thông qua Tờ trình Thông báo thù lao đã chi trả HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch chi trả năm 2020:** (theo Tờ trình số 14/TTr-HĐQT, ngày 21-05-2020).



7.1. Thù lao chi trả năm 2019:

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Tổng mức thù lao được duyệt (*) năm 2019	Tổng mức thù lao thực tế năm 2019
Thù lao HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT	2.074.000.000 đồng	1.555.200.000 đồng

(\*) Tổng mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2019 đã được phê duyệt theo Nghị quyết của ĐHDCĐ ngày 31/7/2019.

7.2. Kế hoạch chi trả thù lao năm 2020:

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	Tổng mức thù lao dự kiến chi trả năm 2020
Thù lao HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT	2.073.600.000 đồng

**8. Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2020 của Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương-CTCP:** (theo Tờ trình số 11/TTr-BKS, ngày 21-05-2020).

Chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC - Chi nhánh TP.HCM kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2020 của Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương-CTCP.

**Điều 2.** Phiên họp thường niên Đại hội đồng cổ đông năm 2020, nhiệm kỳ 2018-2022 của Tổng Công ty SX-XNK Bình Dương – CTCP thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện đầy đủ và hiệu quả theo đúng pháp luật hiện hành và Điều lệ của Tổng Công ty.

**Điều 3:** Nghị quyết này đã được Phiên họp thường niên Đại hội đồng cổ đông năm 2020 nhiệm kỳ 2018-2022 thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ban hành ./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS, BTK, TGĐ Tổng Công ty;
- Công bố TT 24h;
- Lưu VP.

TM.ĐOÀN CHỦ TỊCH  
CHỦ TỌA



LÊ THANH CHÂU